

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn,
phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1974/STNMT-CCBVMT ngày 26/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn thực hiện tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1189/BQLDA-DA1 ngày 19/8/2022 của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 764/TTr-STNMT ngày 22/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết dự án Trường Cao đẳng Bình Định của Trường Cao đẳng Bình Định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Phú;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.
- Địa điểm thực hiện:
 - + Địa điểm 01: 684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.
 - + Địa điểm 02: Tổ 5, khu vực 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Diện tích:

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú): diện tích 16,09 ha.
- Cơ sở thực hành số 1 (trước đây là Trường Trung cấp nghề Thủ công mỹ nghệ Bình Định, Tổ 5, Khu vực 5, phường Nhơn Phú): diện tích 1,972 ha.

1.2.2. Quy mô đầu tư

- a) Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú)

- Phần hiện hữu: 04 phòng thí nghiệm (tổng diện tích sàn 2.557 m²); 06 tòa ký túc xá sinh viên cao 5 tầng (tổng diện tích sàn 25.642 m², 02 tòa ký túc xá không sử dụng); nhà làm việc các khoa, hội trường, giảng đường và phòng học (tổng diện tích sàn 8.765 m²); nhà ăn, căn tin.

- Phần mở rộng:

+ Đầu tư hạ tầng kỹ thuật: San lấp mặt bằng, thi công đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hồ ga và ống luồn cáp thông tin liên lạc, trồng cây xanh cảnh quan.

+ Xây dựng mới Khoa Điện (khoảng 1.000 sinh viên), có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 5.000 m².

+ Xây dựng mới Khoa Cơ khí (khoảng 700 sinh viên), có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 3.552 m².

+ Cải tạo lại dãy phòng học lý thuyết hiện trạng (hạng mục: khu giảng đường) có diện tích sàn xây dựng khoảng 5.580 m².

+ Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị và sửa chữa thư viện hiện trạng, diện tích sàn xây dựng khoảng 1.229 m².

+ Cải tạo, sửa chữa ký túc xá B hiện trạng có diện tích sàn xây dựng khoảng 3.120,8 m².

+ Xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn có công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm.

b) Cơ sở thực hành số 1 (Tổ 5, khu vực 5, phường Nhon Phú): xây dựng Khoa Công nghệ ô tô với khoảng 800 sinh viên.

- Phần hiện hữu: nhà hiệu bộ 03 tầng (880 m²), 02 nhà học lý thuyết (1.300 m²), 02 nhà xưởng thực hành (1.400 m²), nhà thể thao đa năng (480 m²), nhà ăn (540 m²), nhà thường trực, nhà để xe, tường rào, cổng ngõ.

- Phần mở rộng:

+ Xây dựng mới nhà xưởng bảo dưỡng ô tô có diện tích sàn xây dựng khoảng 1.000 m².

+ Cải tạo, sửa chữa: nhà hiệu bộ 03 tầng (880 m²), 02 nhà học lý thuyết (1.300 m²), 02 nhà xưởng thực hành (1.400 m²), nhà thể thao đa năng (480 m²), nhà ăn (540 m²), nhà thường trực, nhà để xe, tường rào, cổng ngõ.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Hạ tầng kỹ thuật: San lấp mặt bằng; đường giao thông; hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt; cây xanh.

- Xây dựng mới Khoa Điện, Khoa Cơ khí, nhà xưởng bảo dưỡng ô tô thuộc Khoa Công nghệ ô tô.

- Sửa chữa ký túc xá B, cải tạo lại dãy phòng học lý thuyết hiện trạng, nhà hiệu bộ 03 tầng, 02 nhà học lý thuyết, 02 nhà xưởng thực hành, nhà thể thao đa năng, nhà ăn,...

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: tường rào, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, bờ kè mương thoát lũ, 01 bể tự hoại 3 ngăn có công suất 100 m³/ngày.đêm, 01 bể xử lý nước thải cho Cơ sở thực hành số 1 có công suất 15 m³/ngày.đêm.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 16.037 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị

thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt của các mương đất nội đồng xung quanh.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Hoạt động dạy học và khu ký túc xá sinh viên: phát sinh nước thải sinh hoạt; nước rửa xe, vệ sinh nhà xưởng thực hành; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày. Thành phần: chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và ô nhiễm vi sinh cao.

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 1 - 2 m³/ngày. Thành phần: chứa nhiều cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần: chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú)

- + Phần hiện hữu: nước thải sinh hoạt từ hoạt động dạy học, ký túc xá sinh viên, nhà thực hành, nhà ăn phát sinh với lưu lượng khoảng 269,7 m³/ngày. Thành phần: chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- + Phần mở rộng: nước thải sinh hoạt từ hoạt động dạy học phát sinh với lưu lượng khoảng 27,2 m³/ngày.đêm. Thành phần: chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Cơ sở thực hành số 1 (Tổ 5, Khu vực 5, phường Nhơn Phú)

- + Nước vệ sinh nhà xưởng thực hành phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày.đêm (phát sinh 02 lần/năm). Thành phần, chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), dầu mỡ, dư lượng chất tẩy rửa,...

- + Nước thải sinh hoạt từ hoạt động dạy học và thực hành phát sinh với lưu lượng khoảng 13 m³/ngày.đêm. Thành phần: chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 30 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 150 - 250 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần,...

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh với tổng lượng khoảng 400 m³. Thành phần chủ yếu xà bần, đất, đá.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khối lượng khoảng 54 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2.741 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải nguy hại: hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 45 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ thải,...

- Chất thải rắn thông thường phải kiểm soát: hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh với khối lượng khoảng 70 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, thùng sơn, phuy chứa dầu.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải nguy hại: hoạt động thực hành, dạy và học phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 45 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ thải,...

- Chất thải rắn thông thường phải kiểm soát: hoạt động thực hành, dạy và học phát sinh với khối lượng khoảng 112 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, hộp mực in.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển, học viên và giáo viên tại trường.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) tác động đến sinh kế của 33 hộ dân trong khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý hoặc thuê nhà vệ sinh của người dân tại khu vực.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng, đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: nước từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị trong quá trình thi công,... thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải, nước mưa được thu gom trước khi thoát ra hành lang thoát lũ.

- + Thoát nước bên ngoài: bố trí 02 tuyến cống D1200 để thu nước mưa và chờ đầu nối cho phần dự án hạ tầng kỹ thuật khu đất xung quanh trường Cao đẳng Bình Định.

- + Bố trí các tuyến cống BTCT D600 - D1000 dọc theo các đường nội bộ để thu gom nước mưa chảy về phía Đông xả ra hành lang thoát lũ tạm thời.

- + Xây dựng tuyến mương đáy rộng 400 mm dọc theo biên dự án ở phía Nam và các cửa thu để thu gom nước mưa khu dân cư hiện trạng, đầu nối vào dự án.

- Nước thải sinh hoạt: hệ thống thoát nước thải thiết kế đi riêng với hệ

thống thoát nước mưa, nước thải.

+ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú):

Giai đoạn trước năm 2025

Đối với nước thải sinh hoạt của phân hiệu hữu: được thu gom và xử lý bằng các bể tự hoại 3 ngăn riêng biệt tại từng khoa, giảng đường, nhà ăn, căn tin và ký túc xá.

Đối với nước thải sinh hoạt phân mở rộng: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các khu vực phát sinh, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE đường kính D300mm dọc tuyến đường giao thông nội bộ, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn tập trung có công suất 100 m³/ngày.đêm đặt tại khu vực phía Bắc dự án, giáp đường sắt và thoát vào hành lang thoát lũ phía Bắc (tọa độ xả thải: 1.526.115; 600.487).

Giai đoạn từ sau năm 2025: Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho toàn bộ Dự án để xử lý nước thải đảm bảo theo quy định trước khi thải ra môi trường (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 216/TB-UBND ngày 30/8/2022).

+ Cơ sở thực hành số 1 (Tổ 5, Khu vực 5, phường Nhơn Phú):

Đối với nước vệ sinh nhà xưởng thực hành: được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, bể keo tụ tạo bông sau đó dẫn về bể xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm.

Đối với nước thải sinh hoạt: được thu gom bằng các tuyến ống HDPE D200-D300 dẫn về bể xử lý nước thải có công suất 15 m³/ngày.đêm đặt tại phía Nam dự án, xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, sau đó thoát ra sông Hà Thanh (tọa độ xả thải: 1.525.619; 600.232).

Quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, tránh rơi vãi đất, đá.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đổ vào diện tích đất quy hoạch trồng cây xanh có diện tích khoảng 34.602,4 m².

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Quy định áp dụng: khoản 1,2,3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí khu vực tập kết rác và các phương tiện thu gom rác thải có diện tích 25 m² (có sàn bê tông, mái che,...) tại khu vực quy hoạch cây xanh phía Tây Bắc phần Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn hiện hữu (sau sân bóng đá); hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải kiểm soát.

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 5 m² tại khu vực nhà kho để lưu chứa.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 5 m² (có sàn bê tông, mái che,...) tại khu vực quy hoạch cây xanh phía Tây Bắc phần Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn hiện hữu (sau sân bóng đá); hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận và xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68,69,71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng.

a) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các mương, rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thu gom và bể xử

lý nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh.

- Vị trí giám sát:

+ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (684 Hùng Vương, phường Nhơn Phú): khu vực giáp cụm dân cư phía Tây Bắc dự án (tọa độ: 1.526.214; 599.825).

+ Cơ sở thực hành số 1 (Tổ 5, khu vực 5, phường Nhơn Phú): khu vực giáp cụm dân cư phía Đông Nam dự án (tọa độ: 1.525.870; 600.227).

- Chỉ tiêu giám sát: hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phải kiểm soát và chất thải rắn nguy hại: khối lượng và thành phần phát sinh; chứng từ chuyển giao chất thải,...

c) Giám sát an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động

Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thi công.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm đối với bể xử lý 15 m³/ngày.đêm.

- Vị trí giám sát: tại đầu ra bể xử lý nước thải (tọa độ xả thải: 1.525.619; 600.232).

- Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), Tổng Coliforms.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1.

- Tần suất quan trắc: theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.